TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 177/2020/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 03 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2020, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 262/2020/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: ấp PX, xã PT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: **Trần Thị Bé N**, sinh năm 1960.

Địa chỉ cư trú: ấp PX, xã PT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Võ Văn T**, sinh năm 1965

Địa chỉ cư trú: ấp PX, xã PT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị Bé N và ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Huỳnh Thị N số tiền còn nợ 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định này cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị N có nghĩa vụ nộp 100.000đ (*Một trăm ngàn đồng*) nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo lai thu số 0016455 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, còn lại 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) hoàn trả cho chị N.

Bà Trần Thị Bé N và ông Võ Văn T có nghĩa vụ nộp 100.000đ (*Một trăm ngàn đồng)* nhưng do bà Trần Thị Bé N thuộc diện người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoảng 1 Điều 12 Nghị quyết 326/16/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn phần án phí của bà Bé N phải nộp là 50.000đ. Còn lại ông Võ Văn T phải nộp là 50.000đ (*Năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TO;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN
Đã ký

Trần Hoàng Phú